TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẤT ĐỎ** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2023/HNGĐ-ST
Ngày 19 -9-2023
V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Được
Ông Lê Minh Quan

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phan Cao Thiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Minh Khuê- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn***: Bà Trần Thị H- sinh năm: 1991

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Tổ 40 ấp G, xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

Chổ ở hiện nay: Tổ 2, ấp 3, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*)

* ***Bị kiện:*** Ông Nguyễn Văn B- sinh năm: 1989

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Tổ 40 ấp G, xã , huyện Đ, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 6 năm 2023 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là bà Trần Thị H trình bày:

Vào năm 2016, bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn B tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số

65 ngày 19 tháng 10 năm 2016 tại Uỷ ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Sau khi cưới nhau, vợ chồng về chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống, không còn yêu thương lẫn nhau. Mặc dù cả hai vợ chồng đã cố gắng khắc phục để tiếp tục cuộc sống vợ chồng nhưng không thể hòa hợp và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và gay gắt hơn. Vì chung sống không hạnh phúc nên đã ly thân nhau từ tháng 01-2023 đến nay.

Trong thời gian ly thân, bà H và ông B thỉnh thoảng có gặp nhau để bàn chuyện hàn gắn nhưng không thành. Nay, bà H nhận thấy tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, không thể quay về đoàn tụ để xây dựng gia đình hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà H xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo L- sinh ngày 12- 4-2018. Từ khi ly thân đến nay, cháu L sống trực tiếp với bà H. Nay, ly hôn, bà H yêu cầu tiếp tục nuôi cháu Long, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn B trong bản tự khai trình bày:

Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2013 và có đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại Uỷ ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Về quá trình chung sống, ông B xác định vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì, ông cũng không có hành vi hành hạ, bạo lực gia đình. Bà H và ông B đã sống ly thân từ tháng 3-2023 đến nay. Bà H hiện sống ở nhà cha mẹ ruột của huyện X; còn ông B thì sống ở huyện Đất Đỏ. Thỉnh thoảng ông B vẫn xuống Xuyên Mộc để thăm con và đưa tiền cho vợ. Nay, vợ ông B yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý vì còn thương vợ quá nhiều. Tuy nhiên, vì lý do bận công việc nên ông yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và cho xét xử vắng mặt ông.

Về con chung: Ông B xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Bảo L, sinh ngày 12- 4-2018. Từ khi ly thân đến nay, con chung sống với bà H. Nay, ông B đồng ý để con chung sống trực tiếp với bà H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng*: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

- *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Văn B hiện nay có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại huyện Đất Đỏ nên căn cứ theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Nguyên đơn bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn B đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông B.

[2] Về nội dung:

[2.1] **Về yêu cầu ly hôn:**

Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn B trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu. Do vậy, theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đủ cơ sở xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, bà H xác định vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống, không còn yêu thương lẫn nhau. Vì vậy, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, phải ly thân nhau từ tháng 01/2023 đến nay và nay bà H kiên quyết yêu cầu ly hôn. Ông B thì xác định vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì nhưng bà H hiện nay không còn đồng ý ở chung với ông nữa, mỗi người sống một nơi, ông không đồng ý ly hôn vì còn yêu thương vợ; tuy nhiên có yêu cầu tòa án không tiến hành hòa giải. Qua xác minh chính quyền địa phương nơi vợ chồng trước đây sinh sống thì xác định vợ chồng không còn sống ở địa phương nữa và cũng không rõ mâu thuẫn như thế nào.

Xét, tình cảm vợ chồng là sự tự nguyện giữa hai người, khi một bên không còn tình cảm gắn bó, không thể chung sống thuận hòa và đã ly thân nhau trong một thời gian, không thể quay về đoàn tụ thì mục đíchồng hôn nhân không đạt được và không thể xây dựng gia đình hạnh phúc. Do đó, căn cứ theo khoản 01 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử có cơ sở để chấp chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H, cho bà H ly hôn với ông B.

[2.2] **Về con chung**:

Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn B đều xác định quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo L- sinh ngày 12- 4-2018. Từ khi ly thân đến nay, cháu L sống trực tiếp với mẹ. Bà H có yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi con chung và ông B cũng đồng ý với yêu cầu này. Xét, con chung hiện nay còn nhỏ (chưa tròn 6 tuổi) và đây là sự tự nguyện của hai bên, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, giao cháu L cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Bà H không có yêu cầu nên không xem xét.

[2.3] **Về tài sản chung, nợ chung**: Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn B đều không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] ***Về án phí***: Bà Trần Thị H phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn B không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường Vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho bà Trần Thị H ly hôn với ông Nguyễn Văn B.

2. *Về con chung*: Giao con chung tên là Nguyễn Ngọc Bảo L- sinh ngày 12 tháng 4 năm 2018 cho bà Nguyễn Thị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, bà H và ông B đều có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc chăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Vì lợi íchồng của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc các tổ chức, cá nhân được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Bà Trần Thị H phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0010381 ngày 5 tháng 7 năm 2023 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Như vậy, bà H đã nộp đủ tiền án phí.

5. Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án

dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Đất Đỏ;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Tuyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI THẨM XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thanh Tuyền